

## **MỘT SỐ HẬU QUẢ LÂU DÀI VỀ CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI TỪ CUỘC KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH Á CHÂU**

**Nguyễn Bảo Toàn**

Tạp chí Thương Mại Thành phố Hồ Chí Minh

(Bài nhận ngày 24/04/1999)

**TÓM TẮT :** Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á bắt đầu vào giữa năm 1997 đã kéo dài và lan rộng nhanh chóng. Sau hơn ba thập kỷ tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao, khủng hoảng tài chính thực sự là một cú sốc lớn đối các nền kinh tế Đông - Á với được mệnh danh là thần kỳ về kinh tế.

Đến nay, các nền kinh tế Đông Á đang có dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên những tác động lâu dài về chính trị xã hội từ cuộc khủng hoảng nay vẫn đang tiếp tục kéo dài và để lại những hậu quả khó lường cho các nền kinh tế Đông Á. Nổi bật là vấn đề thất nghiệp và ảnh hưởng của nó đối với phát triển bền vững thông qua quá trình phục hồi kinh tế và ổn định chính trị, xã hội lâu dài tại Đông Á.

Trên cơ sở tổng hợp các dữ kiện, bài viết tập trung phân tích hai khía cạnh chính, bao gồm:

- Vấn đề thất nghiệp và một số giải pháp ban đầu của một số nước Đông Á; một số hậu quả khó lường lâu dài về xã hội do tác động của thất nghiệp.

- Các mức độ tác động khác nhau đến nội các và hệ thống chính trị của các quốc gia Đông Á, đặc biệt là các nước Asean trong quá trình hợp tác, hội nhập và phát triển trong tầm nhìn Asean 2020.

Bên cạnh đó, đề cập đến một số quan điểm khác nhau (chủ yếu là một số học giả Phương Tây) về đặc điểm, cấu trúc thể chế và tương lai phát triển của Đông Á trong quá trình hồi phục sau khủng hoảng.

**T**ính từ tháng 7.1997 đến nay (thời điểm Thái lan tuyên bố thả nổi đồng Baht) đã tròn 20 tháng. Khủng hoảng Á châu đã qua giai đoạn tồi tệ nhất và đang từng bước phục hồi chậm chạp. Một số nước như Hàn Quốc, Thái Lan Malaysia... có thể đạt mức tăng trưởng dương trong năm nay. Từ 30 năm nay, khu vực Á châu là vùng kinh tế phồn thịnh nhất thế giới, những thành quả khác thường được xem là sự mâu nhiệm và cho rằng Đông Á là mẫu mực để các nước đang phát triển noi theo. Đầu mùa hè năm 1997, cuộc khủng hoảng xảy ra từ Thái lan và làm rung chuyển cả toàn bộ Á châu, tác

động sâu sắc đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và về lâu dài có khả năng dẫn đến sự thay đổi về học thuyết và mô hình tăng trưởng kinh tế mà không lâu trước đó được đánh giá điển hình và mẫu mực. Qua khủng hoảng, điều nổi bật cho thấy hệ thống cấu trúc và thể chế tài chính quốc gia và quốc tế đã trở nên không phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới đang diễn ra mạnh mẽ và có khả năng đưa đến sự thăng trầm vị thế chính trị của một số nước, khu vực và chủ nghĩa tư bản toàn cầu. Trong phạm vi bài này, trên cơ sở trình bày và tổng hợp một số vấn đề liên quan, chủ yếu đề cập đến một số khía cạnh chính trị, xã hội như là hệ quả tác



động trực tiếp và lâu dài từ khủng hoảng kinh tế tiền tệ tại châu Á.

Ở mức tổng thể, cuộc khủng hoảng không chỉ là kết quả của việc đầu cơ và tâm lý hoang mang của các nhà đầu tư ngoại quốc mà đây cũng là hệ quả tất yếu của những khúc mắc, tồn tại của hệ thống kinh tế và các cơ sở nền tảng của các hoạt động kinh tế. Một hệ thống chưa được hoàn thiện do buộc phải phát triển với một tốc độ quá nhanh để phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng nhanh trong hơn 3 thập kỷ. Mặt khác, tệ tham nhũng, cửa quyền cộng hưởng với sự yếu kém về quản lý tài chính là những thủ phạm chính của khủng hoảng. Cần phải thấy rằng: việc mở cửa đối với thị trường tài chính quốc tế đã làm bộc lộ khả năng yếu kém cả về kinh tế và chính trị của các nước châu Á đang lâm vào khủng hoảng chứ không phải bản thân việc mở cửa tạo nên khủng hoảng. Ông Lý Quang Diệu - Bộ trưởng cấp cao Singapo đã rất đúng khi cho rằng: Các nguồn vốn khổng lồ có thể là nguy hiểm đối với các nước có hệ thống ngân hàng yếu kém, tình trạng kiểm soát kém cỏi và việc quản lý các công ty lỏng lẻo. Từ kinh nghiệm quý giá thu được trong cuộc khủng hoảng này nhất định sẽ đưa các nước đông Á từ bệnh tật, ốm yếu vươn đến một độ trưởng thành mới cả về kinh tế và chính trị. Cựu tổng thống Mexico - ông Carlos Salinas đã đúc rút một bài học đắt giá cho Á châu rằng: Thị trường vốn toàn cầu không phải là con đường cứu thoát cho các nước đang phát triển. Tăng trưởng bền vững cần ít phụ thuộc vào sự đồng đánh của thị trường vốn quốc tế. Họ cần dựa vào chính bản thân mình, vào nội lực, vào tiết kiệm nội địa vào sự điều chỉnh bên trong và vào "văn hóa chính trị" của công dân nước họ. Phải

chăng đây là lời khuyên quý báu cho tất cả chúng ta?

Cuộc khủng hoảng gây thiệt hại định lượng cho các nước Á châu ít nhất là 300 tỉ USD và thiệt hại cho kinh tế toàn cầu hơn 500 tỷ USD. Đã có hơn 150 tỷ USD rút khỏi Đông Nam Á. Tâm lý e ngại của các nhà đầu tư sẽ làm sụt giảm FDI trong nhiều năm tới. Sự mất giá nhanh chóng của đồng bản tệ sẽ làm tăng các khoản nợ của các công ty, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc mất khả năng thanh khoản và phá sản của các công ty này mà đặc biệt là các công ty sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ thị trường nội địa khi nhu cầu trong nước giảm sút nhanh chóng. (1) Sức tàn phá của khủng hoảng ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu: sản xuất thế giới dự kiến chỉ tăng khoảng 2% trong các năm 1998-1999 (so với gần 4% năm 1997); giá trị trao đổi hàng hóa dịch vụ chỉ tăng khoảng 4-5% (so với 9,5% năm 1997). Cả FDI và ODA đều giảm sút.

Nhưng một hậu quả nghiêm trọng khác từ khủng hoảng về tiền tệ tài chính đã dẫn đến sự xáo trộn về chính trị và xã hội cả trực tiếp và gián tiếp ở nhiều mức độ khác nhau, của quốc gia và cả khu vực. Làm bộc lộ rõ những yếu kém về thể chế, cũng như thói tham nhũng, gia đình trị và dân tộc chủ nghĩa.

Nội các của các nước như Nga, Nhật, Indonexia, Malaysia và Thái Lan đã trải qua nhiều biến động: nước Nga trong khủng hoảng đã 3 lần thay đổi chính phủ và hiện đang còn rất nhiều khó khăn. Sau 32 năm cầm quyền tại Indonexia, tổng thống Suharto đã phải từ chức trước những diễn biến phức tạp của tình hình. Cuộc suy thoái kinh tế kéo dài ở Nhật bản buộc thủ tướng Hashimoto phải ra đi nhường ghế cho ông Obuchi. Phó thủ tướng Malaysia Anwar Ibrahim bị cách chức vì bất đồng với thủ



tướng Mahathia Mohamet về đường lối khắc phục khủng hoảng, hiện đang hầu tòa vì bị cáo buộc tham nhũng. Thái Lan thì khủng hoảng đã làm sụp đổ nội các chính phủ của thủ tướng Chaovalit(6/11/1997) chính phủ mới do ông Chunleckpei đứng đầu đang phải đối phó chặt vật với nhiều vấn đề nhằm đối phó với khủng hoảng.... Từ khủng hoảng kinh tế đưa đến nguy cơ khủng hoảng chính trị xã hội ở một số nước ASEAN chủ yếu. Những chính sách khác biệt nhau trong quá trình giải quyết khủng hoảng biểu hiện một số nguy cơ gây phân rã của Hiệp hội. Trong đó xu hướng kiểm soát tiền tệ, hướng nội và bảo hộ đang đe dọa thực sự đến quá trình hội nhập, liên kết và tự do hóa thương mại và đầu tư mà tầm nhìn ASEAN 2000 đang theo đuổi. Việc Malaysia ấn định tỉ giá đồng Ringgit so với đồng USD khiến cho mậu dịch biên giới với Singapore giảm 50-70%. Indonexia với dân số hàng thứ tư trên thế giới (200 triệu người) là một trong những hạt nhân hướng tâm liên kết mà hiện nay đang có nhiều bất ổn cả về kinh tế, chính trị, xã hội có nguy cơ gây mất ổn định và an ninh trong khu vực. Khủng hoảng gây nên nạn thất nghiệp mà theo thống kê đất nước này hiện nay có đến 120 triệu người nghèo khổ (năm 1996-1997 chỉ có 20 triệu). Xung đột tôn giáo ở Ambon vừa giải quyết xong thì xung đột sắc tộc lại diễn ra ở Tây Kalimantan giữa người Malay và Dayak với những người di cư từ đảo Madura và đang tiếp tục phức tạp và lan sang một số bản làng khác phía bắc của thủ phủ Tây Kalimantan. Vấn đề Đông Timor đang có chiều hướng tốt thì gần đây tỉnh Irian Jaya lại đòi độc lập càng gây phức tạp thêm cho tình hình vốn căng thẳng tại đất nước này. Điều này gây nên sự lo lắng, căng thẳng, gây bất ổn chính trị

trong nước và có khả năng tạo nên làn sóng di cư sang các nước láng giềng, gây xáo trộn và bất ổn trong khu vực. Bên cạnh đó, Indonexia lại có vị trí quan trọng với hơn 13000 đảo lớn nhỏ, lại tiếp giáp với những eo biển chiến lược đối với các nước đông bắc Á như Malacca, Lombok và Sunda. Một thực tế là gần 2 năm trở lại đây do khủng hoảng nên đã làm chậm lại quá trình tiến tới khu vực tự do thương mại ASEAN(AFTA). Để tăng cường quá trình tự do hoá đầu tư thương mại trong khu vực, Hiệp hội này đang xúc tiến nhiều hoạt động mà trong đó việc thành lập khu vực đầu tư ASEAN(AIA) vào đầu tháng 3/1999 cũng nằm trong xu hướng nói trên.

Mặc dù giai đoạn tồi tệ nhất đã qua nhưng những tác động tiêu cực của khủng hoảng vẫn còn rất nặng nề và lâu dài mà hậu quả không thể giải quyết dứt điểm và nhanh chóng. Nổi bật nhất là vấn đề thất nghiệp đang lan tràn khắp vùng đông Á. Theo ILO thì khủng hoảng đã làm đảo ngược lại xu hướng tiến bộ kéo dài suốt mấy thập niên qua tại Indonexia, Hàn quốc và Thái lan trong việc tạo công ăn việc làm đầy đủ cho người lao động. Tại Đông Á, tỷ lệ thất nghiệp năm 1998 đạt mức cao nhất trong vòng 20 năm qua. Tại Indonexia có 18,5 triệu người thất nghiệp, tỷ lệ này tăng từ 4,7% năm 1997 lên đến 20% năm 1998, tiền lương thực tế của người lao động giảm hơn 30% so với năm 1997. Tại Hàn quốc tỷ lệ người thất nghiệp năm 1997 là 2,6% đã tăng lên 7% năm 1998 riêng ở 2 ngành chế tạo và xây dựng lên đến 4,5 triệu người. Tại Philippin tỷ lệ thất nghiệp năm 1998 lên đến 11%. Thái lan thì theo Bộ lao động nước này ước tính số người thất nghiệp lên đến 2 triệu người năm 1998 và năm 1999 tình hình sẽ tồi tệ hơn. Hồng Kông năm 1998 tỷ lệ thất nghiệp cũng lên



đến 5,5%, dự kiến còn có thể cao hơn trong năm 1999. Malaysia trước khủng hoảng, tỷ lệ thất nghiệp ở đất nước này chỉ có 2,5-3% nhưng năm 1998, tỷ lệ này đã tăng lên đến 5,5-6% và năm 1999 sẽ khó lòng kiểm soát được ở mức này. Trung quốc năm 1999 sẽ có 16 triệu người thất nghiệp, trong đó có 11 triệu là sinh viên học sinh mới ra trường, 5 triệu là số lượng công nhân bị dôi ra từ các xí nghiệp thua lỗ, 1 triệu viên chức do giảm biên chế và 170.000 quân nhân xuất ngũ. Braxin nước có nền kinh tế hàng đầu tại châu Mỹ-Latinh năm 1998 cũng có đến 3 triệu người thất nghiệp và ngày 13.1.1999, đồng Real bị phá giá, khủng hoảng chính thức bắt đầu thì tình hình sẽ trở nên tồi tệ hơn trong năm nay. Theo ILO, hiện nay thế giới có khoảng 1 tỷ người thất nghiệp, chiếm 30% lực lượng lao động toàn cầu. Theo số liệu mới nhất của ILO, cuộc khủng hoảng ở Á châu đã khiến cho hơn 24 triệu người chính thức thất nghiệp, số lượng tiềm tàng và bán thất nghiệp có lẽ còn số sẽ còn cao hơn gấp nhiều lần. Để chống lại "thế giới nạn" này, các quốc gia đang tìm mọi biện pháp để tháo gỡ và giải quyết. Năm 1999, Hàn quốc sẽ chi 7,69 nghìn tỷ Won (6,5 tỷ USD) để trợ giúp thất nghiệp, khoảng 4,7 triệu người sẽ được hưởng số tiền này chủ yếu qua trợ giúp khó khăn và đào tạo nghề. Thái lan đang áp dụng chính sách đình chỉ hoặc chấm dứt các hợp đồng thuê mướn lao động nước ngoài; Indonexia tăng cường xuất khẩu lao động... Một điều thật nan giải để đối phó với nạn thất nghiệp ở Đông Á hiện nay là để chống chọi với khủng hoảng, các ngân hàng và xí nghiệp đã đang cố gắng giành lại khả năng sinh lợi bằng cách bóc lột người lao động nhiều hơn. Người lao động bị bản cứng hóa và có nguy cơ nổ ra các cuộc bạo động xã hội

như ở Indonexia, biểu tình đòi quyền lợi của người lao động ở Hàn quốc và Nhật bản... Năm 1999, theo FAO khu vực châu Á mà đặc biệt là Bắc Hàn và Indonexia cần 5 triệu tấn lương thực để đối phó với nạn thiếu đói. Chính phủ Indonexia trong chính sách an sinh xã hội đã cung cấp 20 kg gạo mỗi tháng và chăm sóc sức khoẻ miễn phí cho khoảng 20 triệu gia đình nghèo khổ (khoảng 130 triệu người). Thất nghiệp là nguyên nhân chính của việc rối loạn an ninh và trật tự xã hội mà hệ quả của nó thật khó lường. Tại Indonexia, số trường hợp li dị đã tăng lên gấp 10 lần so với trước khủng hoảng 90% các trường hợp là do người chồng bị thất nghiệp phải đi kiếm sống nơi xa và không quay trở lại. Tại Nhật bản, trong 10 tháng đầu năm 1998 đã có 27.102 người tự tử. Phần lớn trong số này là đàn ông mà nguyên nhân chính đưa đến tự tử là do thất nghiệp, khó khăn về kinh tế. Bộ Y tế nước này cho biết đây là con số cao nhất từ trước đến nay... Ở Thái Lan có từ 7 đến 10 triệu trẻ em bị tác động do khủng hoảng. Xuất ăn giảm sút tại các trường học nên mức độ suy dinh dưỡng tính theo trọng lượng của trẻ gia tăng. Thái hiện có 58% trong số 6,3 triệu trẻ em từ 6 đến 12 tuổi bị đói và 18% bị suy dinh dưỡng. Thiếu ăn và suy dinh dưỡng ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ của trẻ. Cứ 10 trẻ em Thái thì có 4 em có chỉ số IQ thấp hơn mức trung bình (90). Khủng hoảng kinh tế khiến cho trẻ em bị ruồng bỏ gia tăng, có 9,7% trẻ em từ sơ sinh đến 5 tuổi không có cha mẹ. Đặc biệt do tình trạng suy thoái kinh tế kéo dài, nguy cơ rủi ro về nhiễm AIDS tăng cao. Hiện nay tại châu Á có 7,2 triệu người nhiễm HIV-AIDS, mỗi năm có 1,2 triệu người bị nhiễm bệnh, trong đó có 58% số người có độ tuổi dưới 25. Điều đáng quan tâm là do khủng



hoảng kinh tế, khắp chính phủ đang lo lắng tìm các biện pháp thuần kinh tế để khắc phục khủng hoảng mà bỏ qua các vấn đề xã hội quan trọng. Điển hình là Thái Lan trước khủng hoảng đã có thành công trong việc khuyến khích tình dục an toàn mà nhờ đó giảm thiểu tỷ lệ lây nhiễm HIV-AIDS. Nhưng việc thắt chặt ngân sách chi tiêu của chính phủ của các giải pháp khôi phục kinh tế đã thực sự làm đình trệ hiệu quả của các chiến dịch phòng ngừa.<sup>(2)</sup> Giải quyết nạn thất nghiệp hiện đang là vấn đề thời sự khẩn cấp. Tuy nhiên các quốc gia Đông Á đang gặp rất nhiều trở ngại mà tổng thống Hàn quốc Kim Dae Jung mới đây đã thừa nhận: Chúng ta đang ở trong tình trạng mâu thuẫn, nếu tiến hành cải tổ thì thất nghiệp sẽ tăng nhưng nếu không cải tổ thì nền kinh tế sẽ sụp đổ. Theo phân tích của Bộ Lao động các nước Á châu, thất nghiệp là một trong những việc cần giải quyết gấp rút trong năm 1999. Bởi lẽ chỉ bằng cách đó thì mới tạo cho mọi người lòng tin và từ đó tạo nên sự ổn định cần thiết giúp các nền kinh tế vượt qua khủng hoảng. Ở đây, bài học về việc phân chia các lợi ích trong quá trình phát triển càng rất rõ ràng và cấp bách. Việc phân bổ không đều những lợi ích và chi phí cho sự nghiệp phát triển có thể làm nguy hại đến ổn định xã hội thực tế cho thấy rằng, nếu quảng đại quần chúng được hưởng thụ một phần quá nhỏ những thành quả của sự nghiệp phát triển nhưng lại gánh chịu một phần quá lớn những chi phí điều tiết thì việc duy trì ổn định chính trị, xã hội và kinh tế trở nên mỏng manh.<sup>(2)</sup>

Một khía cạnh khác, cuộc khủng hoảng làm mất lòng tin vào các "giá trị châu Á". Các nhà tư tưởng phương Tây cho rằng mô hình kinh tế châu Á bị khủng hoảng là mô hình kinh tế tư bản, nhưng

không chú trọng đến yếu tố thị trường mà lại nhấn mạnh đến tính kế hoạch của chính phủ...và hiện nay, mô hình này không còn là giải pháp cho các nước đang phát triển.<sup>(3)</sup>Họ cho rằng cái gọi là Khu vực kinh tế châu Á - Thái Bình Dương đã không tồn tại trong quá khứ, hiện tại và sẽ không có trong tương lai.<sup>(4)</sup>. Tuy nhiên điều khẳng định này cũng như sự chỉ trích của Kruman<sup>(5)</sup> là không chính xác với tình hình thực tế của châu Á. Vì tuy khủng hoảng khiến nảy sinh một số nhận định bi quan nhưng chúng ta không thể phủ nhận thành tựu phi thường của các nền kinh tế châu Á. Từ 1965 đến 1995, thu nhập bình quân đầu người ở bốn nước "con hổ" tăng gấp bảy lần và tại Đông Nam Á và Trung quốc tăng khoảng bốn lần.<sup>(6)</sup>

Ở bình diện rộng hơn, cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Á châu cũng làm nảy sinh các vấn đề về cấu trúc hệ thống, chiến lược tăng trưởng và phát triển của chủ nghĩa tư bản nói chung cũng như của các nước thế giới thứ ba mà đặc biệt là bản thân các quốc gia Đông Á. Đây là vấn đề có tính thời đại ở qui mô toàn cầu sau khi chiến tranh lạnh kết thúc và nhân loại đang trên bậc thềm của thế kỷ 21. Giải quyết vấn đề này không chỉ thuần túy về kinh tế mà chủ yếu là các vấn đề về tư tưởng, văn hóa và chính trị của một thế giới đa cực đang chịu sự tác động mạnh mẽ của các tiến bộ không ngừng của công nghệ thông tin và chứa đựng nhiều yếu tố có tính bùng nổ. Trên cơ sở đó mới tìm ra các biện pháp thích hợp để cải tổ và đổi mới các cơ cấu và thể chế kinh - tài của từng quốc gia, từng khu vực và quốc tế mà chủ yếu là theo nguyên lý biện chứng của sự thống nhất trong đa dạng, tạo nên nền tảng về sự tương hợp giữa lợi ích cộng đồng và toàn nhân loại.



Qua khủng hoảng lần này, xuất hiện nhiều ý kiến tranh cãi và đề xuất về mô hình phát triển Đông Á, về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về vai trò của IMF... Trong đó có quan điểm đề xuất cho rằng kỷ nguyên tăng trưởng hướng về xuất khẩu mà Đông Á đã và đang theo đuổi thực sự qua rồi. Dựa trên lợi thế về qui mô, quan điểm này cho rằng để một nền kinh tế tăng xuất khẩu 15-20% mỗi năm thì nó phải nhập khẩu để tăng trưởng 7-8% mỗi năm. Điều này thực sự đã diễn ra chỉ với điều kiện các nước tham gia trò chơi "hướng vào xuất khẩu" này chỉ là những nước nhỏ. Chẳng hạn trong 2 thập kỷ 70 và 80 thì Hàn quốc, Đài loan, Hồng Kông, Singapo gộp lại chỉ có 65 triệu dân và đã thành công trong trò chơi này. Nhưng khi tất cả các nước trong khu vực, đặc biệt là Indonexia và Trung quốc tham gia vào cuộc chơi thì ngay lập tức cuộc chơi kết thúc. Vì làm thế nào mà mọi nước đều có thể tăng xuất khẩu của mình với tốc độ 20% mỗi năm trong khi nền kinh tế toàn cầu chỉ tăng với tốc độ 2-2,5% mỗi năm? Kết luận từ quan điểm này khiến cho chúng ta phải suy nghĩ và muốn tiếp tục tăng trưởng các quốc gia này phải tạo ra những thay đổi cơ cấu cần thiết để chuyển sang một chiến lược dựa vào nội lực của chính mình.(7)

Một vấn đề khác cũng đang được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm hiện nay là khủng hoảng kinh tế Á châu hiện nay là khủng hoảng khu vực hay là khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản toàn cầu? Jeffrey Sacks, nhà kinh tế học của Đại học Harvard và Wao Wing Thye của Đại học California đã cho rằng : cuộc khủng hoảng Á châu không chỉ là vấn đề của khu vực mà một phần của rối loạn toàn cầu do sự hợp nhất nhanh chóng của nền kinh tế thế giới. Từ đó họ đưa ra kế hoạch 30 điểm để

cải cách kinh tế toàn cầu trong 6 lĩnh vực trong đó chủ yếu là cải cách lại IMF; khuyến khích vốn đầu tư dài hạn và giới hạn các nguồn vốn ngắn hạn; tăng cường áp dụng các tiến bộ công nghệ và lành mạnh hóa bộ máy tư pháp và nâng cao hiệu quả của các dịch vụ công cộng. Hai ông còn nhấn mạnh rằng: hãy ngưng nói về khủng hoảng Á châu mà hãy tìm cách khắc phục những vấn đề tồi tệ to lớn của toàn cầu.(8) George Soros- nhà đầu cơ tiền tệ mới đây đã vừa cho xuất bản cuốn sách với tựa đề "Khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản toàn cầu" đã đề cập đến sự bất ổn cố hữu vốn có của thị trường tài chính quốc tế; sự lầm lẫn của các lý thuyết kinh tế về sự điều tiết của thị trường tự do và sự mục nát, suy đồi của các giá trị đạo đức.(9). Tuy G.soros chưa giải thích được nhiều vấn đề của nền kinh tế toàn cầu hiện đại (Việc G.soros đưa ra khái niệm "xã hội mở" open society mà theo đánh giá của Anthony Neoh - giáo sư thỉnh giảng của Đại học Luật Perking là ông ta đã thất bại trong việc giải thích). Tuy nhiên cuốn sách cũng đã bộc lộ được nhiều vấn đề phức tạp, hỗn độn của nền kinh tế toàn cầu cũng như của chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn đang còn bỏ ngõ chưa được giải quyết. Khủng hoảng Á châu có phải là vấn đề toàn cầu hay không, ở đây xin nêu một vài số liệu cụ thể. Nếu chỉ tính Thái lan, Hàn quốc, Indonexia, Malaysia, Philippin cộng lại thì các nền kinh tế này cũng chỉ chiếm 8% thị trường xuất khẩu của nền kinh tế Mỹ. Sự hứa trợ giúp của Nhật bản cho các nước Đông Á từ 30-35 tỉ USD để phục hồi kinh tế so với số tiền khổng lồ gần cả nghìn tỷ USD mà quốc gia này dự kiến tung ra để phục hồi kinh tế thì quả thực khủng hoảng Đông Á thật là khiêm tốn và chỉ là chuyện nhỏ của khu vực! Tuy nhiên đối với Mỹ,



bên cạnh nỗi lo về hàng hóa rẻ mạt của Á châu sẽ tràn ngập thị trường Mỹ và lợi ích của các tổ hợp quân sự Mỹ bị ảnh hưởng (vì thị trường vũ khí châu Á của Mỹ lớn thứ hai sau Trung Đông) theo lời Bộ trưởng Bộ Tài chính Mỹ Robert Rubin thì khủng hoảng Á châu nguy hại đến nền kinh tế Mỹ thông qua IMF: Vì cuộc khủng hoảng châu Á, các nguồn lực tài chính của IMF bị cạn kiệt nghiêm trọng. Với các nguồn hiện có, IMF không thể đối phó được nếu một cuộc khủng hoảng lớn thứ hai nổ ra ở một nước nào đó. Và chỉ một cuộc khủng hoảng lớn nữa thôi, những lợi ích kinh tế của Mỹ sẽ bị ảnh hưởng... Nếu nó diễn ra và có thể diễn ra sẽ ảnh hưởng ghê gớm đến lợi ích kinh tế của chúng ta. (10) Lời cảnh báo này tỏ ra xác đáng, vì nước Nga đổ sập ở châu Âu, Braxin lớn mạnh ở Mỹ-Latin và hai đất nước khổng lồ Trung quốc và Ấn độ ở châu Á theo hiệu ứng lan truyền rơi vào khủng hoảng và suy thoái thì liệu Mỹ, Nhật và cả thế giới này có đứng yên được hay không? An ninh kinh tế, chính trị, xã hội của họ sẽ như thế nào trước làn sóng thất nghiệp, đói kém, bất ổn xã hội và bạo động cộng hưởng với các vấn đề về xung

đột tôn giáo, sắc tộc đang trở nên sâu sắc tại một số khu vực sau chiến tranh lạnh đang vốn có nguy cơ bộc phát chiến tranh ở qui mô khu vực và toàn thế giới. Đó có phải là khủng hoảng toàn cầu hay cho rằng: họ - một phần giàu có nhỏ bé còn lại của thế giới mới là toàn cầu?

Nhìn chung thái độ của các học giả phương Tây đối với khủng hoảng Á châu tuy chưa thống nhất nhưng cho thấy có sự thừa nhận một cách miễn cưỡng những thành tựu đã đạt được và hoài nghi tương lai phát triển của châu Á. Tuy nhiên, chủ nghĩa tư bản phát sinh ở châu Á có sự điều tiết của chính phủ (mà điều này bị học chỉ trích) cũng không thoát khỏi những cơn khủng hoảng chu kỳ vốn có của chủ nghĩa tư bản đang trở nên gay gắt hơn trong điều kiện toàn cầu hóa. Điều nổi bật cho thấy, chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn tiếp tục chứa đựng nhiều vấn đề phức tạp có tính bùng nổ.

Chỉ còn đúng một năm nữa là nhân loại sẽ bước vào thiên niên kỷ mới nhưng bức tranh kinh tế, xã hội và chính trị toàn cầu đang có quá nhiều những gam màu sẫm tối.

### **SOME PROLONGED SOCIO - POLITICAL CONSEQUENSES OF THE ASIAN FINANCIAL CRISIS**

**Nguyen Bao Toan**

**ABSTRACT :** *The Asian financial crisis in the middle of 1997 has been widespread. This caused a big shock for the East-Asian economics growing fast more than three decades ago, named economic miracle.*

*Up to now, the economics have had a sign of recovering, however, the prolonged impacts of the crisis on the politics and society still go on with unexpected consequences. Noticeably, the unemployment and its aftermaths have influence on stable development though the process of economic recovery, stabilizing politics and society in the East-Asian.*

*This report based on relevant material resources, focus analyzing on two main aspects:*

*- The unemployment and some initial solutions of East-Asian countries, some unexpected social consequences caused by the unemployment.*

- There are various impacts' on the political cabinet system of the East Asian countries, especially nations in Asean; tendencies are able to affect on the process of intergrating, stablizing, co-operating and developing of Asean vission in the year 2020.

Besides, the report refers to different viewpoits (most from Western scholars) discussing characteristic, structure and development of East-asian after the crisis.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- (1) Khủng hoảng tài chính tiền tệ ở châu Á - nguyên nhân và bài học.  
NXB Chính trị Quốc gia HàNỘI 1998
  - (2) Asiaweek 4/1999.
  - (3) Thông tin Khoa học Xã hội số 9.1998.
  - (4) Nghiên cứu Đông Nam Á 1(34)1999.
  - (5) Thông tin Khoa học Xã hội 8.19998.
  - (6) (7) Châu Á tái nổi lên - Viện Thông tin Khoa học Xã hội -  
Tài liệu phục vụ nghiên cứu số TN 98-01 HàNỘI 1998
  - (8) The New York Review, Feb.5, 1998
  - (9) Asiaweek Feb.26, 1999
  - (10) Far Eastern Economics Review March 4, 1999
  - (11) Thông Tin Khoa học Xã hội số 3.1998.
-